

Số: 241/BC-STP

Kon Tum, ngày 06 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2024

Thực hiện Văn bản số 2493/UBND-NC ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng; Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN,TC); Văn bản số 494/TTr-NV3 ngày 08/8/2022 của Thanh tra tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác PCTN, Sở Tư pháp báo cáo công tác PCTN 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN

- Thực hiện Kế hoạch số 4229/KH-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN,TC) và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2024; Kế hoạch số 763/KH-UBND ngày 05/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2024 trên địa bàn tỉnh; Sở Tư pháp đã ban hành các Kế hoạch¹ để triển khai thực hiện công tác PCTN,TC trong cơ quan.

¹ Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 81/KH-STP ngày 19 tháng 12 năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 15 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-STP ngày 25 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 32/KH-STP ngày 18 tháng 3 năm 2024.

- Tham gia ý kiến đối với dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về quán triệt và triển khai thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Nội chính Đảng và hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh năm 2023²; dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá công tác PCTN năm 2023³ và dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kết luận Phiên họp lần thứ 6 của Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh⁴ theo đề nghị của Thanh tra tỉnh; dự thảo Kế hoạch của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh⁵ theo đề nghị của Sở Tài chính.

- Ban hành Kế hoạch của Ủy viên Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện Chương trình công tác năm 2024 và Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2024 của Ban Chỉ đạo PCTN, TC tỉnh⁶.

- Cử công chức tham gia Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh gửi Ban Nội chính Tỉnh ủy theo yêu cầu⁷.

b. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN: không.

c. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: không.

d. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN: Sở Tư pháp giao cho Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện công tác PCTN, TC trong cơ quan.

đ. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

- Nêu cụ thể:

+ Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/01/2024 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

+ Số lượng băng rôn, áp phích: không.

+ Đăng tải 18 tin, bài viết... về các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản có nội dung liên quan đến PCTN, TC trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

² Văn bản số 349/STP-TTTr ngày 26-02-2024

^{3 3} Văn bản số 350/STP-TTTr ngày 26-02-2024

⁴ Văn bản số 08/STP-TTTr ngày 21-02-2024

⁵ Văn bản số 366/STP-TTTr ngày 27-02-2024

⁶ Kế hoạch (không số) ngày 27-02-2024

⁷ Văn bản số 1056/STP-VP ngày 27-5-2024.

+ Các hình thức tuyên truyền khác: không.

2. Về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Kết quả công khai, minh bạch theo Điều 10 Luật PCTN: Sở Tư pháp thực tốt việc công khai, minh bạch các nội dung cụ thể sau:

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức và người lao động (CCVC và NLĐ); tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho CCVC và NLĐ trong cơ quan. Thường xuyên cử CCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

+ Quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo chặt chẽ, không để hư hỏng, thất thoát.

+ Thực hiện có hiệu quả, đúng quy định trong công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển CCVC thuộc thẩm quyền của Sở, đảm bảo hợp lý và phát huy hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo CCVC và NLĐ thực hiện đúng quy tắc ứng xử trong cơ quan, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nội quy, quy chế; giữ gìn đoàn kết nội bộ và phát huy dân chủ trong cơ quan.

b. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 05/10/2023 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Sở Tư pháp, đảm bảo bao quát đầy đủ các định mức, tiêu chuẩn và chế độ theo quy định.

c. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn: Lãnh đạo Sở và Thủ trưởng các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

d. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Triển khai thực hiện Công văn số 184/UBND-NC ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 45/KH-STP ngày 14/4/2024 về chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc Sở Tư pháp năm 2024.

đ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt: Tiếp tục đổi mới và áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và điều hành. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT - iOffice trong quá trình xử lý công việc nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và năng suất công việc, giảm chi phí hành chính. Việc trả lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác,...đều thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

e. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ (trong đó số người: kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ): 03.

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai: 03.

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh: không.

- Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; hình thức xử lý: không.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng: không.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: không.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN: không.

6. Hợp tác quốc tế về PCTN: không.

7. Kết quả tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm
Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương
về PCTN,TC: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC và Văn bản số 1570/STP-TTr ngày 13/10/2022 của Sở Tư pháp về thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC.

(Gửi kèm Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a. Sở Tư pháp đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các giải pháp về công tác PCTN,TC, chú trọng việc thực hiện công tác PBGDPL về PCTN, TC. Vì vậy, tại Sở Tư pháp không xảy ra tham nhũng.

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Giữ mức (không xảy ra tham nhũng).

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...): Giữ mức (không xảy ra tham nhũng).

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng: không.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN,TC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN,TC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý:

- Công tác PCTN,TC luôn được Lãnh đạo Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên chỉ đạo thực hiện; công tác PCTN,TC được gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Chủ động đề ra các giải pháp để triển khai kịp thời, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền về PCTN,TC.

- CCVC và NLĐ trong cơ quan thực hiện nghiêm túc Luật PCTN, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh PCTN,TC, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp không có vi phạm về PCTN,TC.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN,TC kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Giữ mức (*không xảy ra tham nhũng*).

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN,TC: Hoàn tốt nhiệm vụ về công tác PCTN,TC.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN,TC: không.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp: Chú trọng triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC.

2. Kiến nghị, đề xuất: không.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

- Trình UBND tỉnh Kế hoạch triển khai công tác pháp chế; kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁸.

- Tự kiểm tra: Công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, 100% văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành được tự kiểm tra theo quy định. Qua tự kiểm tra các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định trong văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

⁸ Tờ trình số 189/TTr-STP ngày 20/12/2023; Kế hoạch số 4557/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh.

- Kiểm tra theo thẩm quyền: Tiến hành kiểm tra 05 văn bản do HĐND-UBND cấp huyện ban hành; qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn, lĩnh vực:

+ Trình UBND tỉnh Văn bản về việc xử lý các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp, chưa đảm bảo thể thức, kỹ thuật trình bày theo kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành Bộ Tư pháp⁽⁹⁾;

+ Trình UBND tỉnh báo cáo tự kiểm tra văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội; thực hiện chính sách về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập⁽¹⁰⁾.

+ Trình UBND tỉnh báo cáo về tình hình, kết quả xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành theo kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành của Bộ Tư pháp⁽¹¹⁾.

+ Sở Tư pháp đã thực hiện các nội dung về công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền: Văn bản về việc xử lý nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật đối với Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, quản lý danh mục công trình kiến trúc có giá trị và quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽¹²⁾; báo cáo về tình hình xử lý các kết luận kiểm tra của Đoàn kiểm tra liên ngành (*Bộ Tư pháp chủ trì*) và các Kết luận của Cục Kiểm tra văn quy phạm pháp luật⁽¹³⁾.

2. Rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản do UBND tỉnh ban hành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Báo cáo bổ sung kết quả soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023 (số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023)⁽¹⁴⁾; Báo cáo đánh giá thực trạng thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁵⁾.

- Sở Tư pháp đã thực hiện các nội dung về công tác rà soát văn bản theo thẩm quyền: Văn bản rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành quy định về giá⁽¹⁶⁾; tham gia ý kiến kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm

⁽⁹⁾ Công văn số 157/UBND-NC ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹⁰⁾ Báo cáo số 58/BC-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹¹⁾ Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹²⁾ Công văn số 211/STP-XDKTr&PBPL ngày 29 tháng 01 năm 2023 của Sở Tư pháp.

⁽¹³⁾ Báo cáo số 80/BC-STP ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Sở Tư pháp.

⁽¹⁴⁾ Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹⁵⁾ Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽¹⁶⁾ Công văn số 2376STP-XDKTr&PBPL ngày 25/12/2023 của Sở Tư pháp.

pháp luật kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ⁽¹⁷⁾; văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập danh mục, tự kiểm tra rà soát các văn bản có liên quan về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt⁽¹⁸⁾; văn bản về việc ý kiến đối với kết quả rà soát, xác định văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực trong năm 2023 thuộc lĩnh vực nội vụ, tài chính, văn hóa, thể thao và du lịch, ban quản lý khu kinh tế, nông nghiệp, y tế⁽¹⁹⁾; văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập danh mục, tự kiểm tra rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; văn bản đề nghị Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁽²⁰⁾; tham gia ý kiến đối với danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nội vụ⁽²¹⁾.

- Rà soát công bố theo định kỳ hàng năm: Tổ chức rà soát công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2023⁽²²⁾. Trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ngành; kiểm tra, tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2023⁽²³⁾. Kết quả trong kỳ rà soát có: 140 văn bản hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2023 (*gồm 14 Nghị quyết; 119 Quyết định; 07 Chỉ thị*); 03 văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố (*gồm 01 Nghị quyết; 02 Quyết định*); 22 văn bản hết hiệu lực một phần trong năm 2023 (*gồm 13 Nghị quyết; 09 Quyết định*).

- Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023:

+ Tổ chức rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023⁽²⁴⁾. Trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ngành; kiểm tra, tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh⁽²⁵⁾ công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản

¹⁷ Công văn số 139/STP-XDKTr&PBPL ngày 19/01/2024.

⁽¹⁸⁾ Công văn số 07/STP-XDKTr&PBPL ngày 02/01/2024 của Sở Tư pháp.

¹⁹ Công văn số 13/STP-XDKTr&PBPL ngày 03/01/2024; Công văn số 25/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/01/2024; Công văn số 28/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024; Công văn số 31/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024; Công văn số 32/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024.

²⁰ Báo cáo số 177/BC-STP ngày 24/4/2024.

²¹ Công văn số 561/STP-XDKTr&PBPL ngày 28/3/2024.

⁽²²⁾ Công văn số 2265/STP-XDKTr&PBPL ngày 06 tháng 12 năm 2023; Công văn số 30/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024 của Sở Tư pháp.

⁽²³⁾ Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố tại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 về công bố danh mục văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2023.

⁽²⁴⁾ Công văn số 212/STP-XDKTr&PBPL ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Sở Tư pháp.

²⁵ Tờ trình số 22/TTr-STP ngày 15/02/2024

quy phạm pháp luật HĐND, UBND tỉnh ban hành kỳ 2019-2023 (*từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023*)⁽²⁶⁾. Trong kỳ hệ thống hóa có: 402 văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa, 09 văn bản hết hiệu lực toàn bộ thuộc đối tượng của các kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố; 80 văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa; 830 văn bản còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa; 117 văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

+ Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum⁽²⁷⁾.

+ Văn bản tham gia góp ý dự thảo Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2019-2023⁽²⁸⁾.

+ Văn bản về việc bổ sung số liệu văn bản quy phạm pháp luật chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật khác trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023⁽²⁹⁾.

3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

- Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/01/2024 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, chỉ đạo, định hướng cho các ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành, văn bản liên quan chặt chẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương cũng như các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân..., trong đó có các nội dung liên quan đến phòng, chống tham nhũng... Đồng thời, định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp ban hành các văn bản hướng dẫn PBGDPL nói chung bằng các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng, trong đó có các nội dung về phòng, chống tham nhũng³⁰.

- Hoàn thành công tác biên soạn, đề nghị cấp giấy phép xuất bản 32 loại tờ gấp phổ biến pháp luật liên quan đến phòng, chống tham nhũng³¹ (*trong đó, dự kiến cấp phát 12.000 tờ gấp và đăng tải 20 loại tờ gấp trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh*); lồng ghép các tin, bài viết về phòng, chống tham nhũng trong biên soạn, phát hành 03 số Thông tin phổ biến pháp luật (3.300 cuốn), 02 số Tập san Tư pháp (1.400 cuốn) theo định kỳ. Đồng

⁽²⁶⁾ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kỳ 2019-2023.

⁽²⁷⁾ Báo cáo số 78/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁸⁾ Công văn số 1429/UBND-NC ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁽²⁹⁾ Công văn số 1660/UBND-NC ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁰ Văn bản số 204/STP-XDKTr&PBPL ngày 26/01/2024 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý I/2024 và Văn bản số 675/STP-XDKTr&PBPL ngày 11/4/2024 về việc hướng dẫn PBGDPL Quý II/2024.

³¹ Đơn đề nghị cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh số 1039/ĐĐN-STP ngày 26/5/2024 (*20 tờ gấp phổ biến một số nội dung của Luật Thanh tra*) và Đơn đề nghị cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh số 1033/ĐĐN-STP ngày 24/5/2024 (*12 tờ gấp phổ biến pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở*).

thời, thường xuyên đăng tải nội dung các văn bản pháp luật mới, các văn bản liên quan đến phòng, chống tham nhũng trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh nhằm góp phần nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của mọi người về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN: không.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCTN 6 tháng đầu năm 2024 của Sở Tư pháp, kính gửi Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (đ/b);
- Văn phòng Sở;
- Trang TTĐT của Sở (để đ/t);
- Lưu VT, TTr/STP./.

GIÁM ĐỐC



Trần Minh Thắng

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 05/6/2024)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN	Văn bản	07 (Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 81/KH-STP ngày 19 tháng 12 năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 15 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-STP ngày 25 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 32/KH-STP ngày 18 tháng 3 năm 2024; Văn bản số 204/STP-XDKTr&PBPL ngày 26/01/2024; Văn bản số 675/STP-XDKTr&PBPL ngày 11/4/2024)
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0

6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	Hoàn thành công tác biên soạn, đề nghị cấp giấy phép xuất bản 32 loại tờ gấp phổ biến pháp luật liên quan đến phòng, chống tham nhũng (trong đó, dự kiến cấp phát 12.000 tờ gấp và đăng tải 20 loại tờ gấp trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh); biên soạn, phát hành 03 số Thông tin phổ biến pháp luật (3.300 cuốn), 02 số Tập san Tư pháp (1.400 cuốn) theo định kỳ
7	Số lượng băng rôn, áp phích về PCTN được treo	Băng rôn	0
8	Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử	tin bài	Đăng tải tổng cộng 18 tin, bài trên Trang TTĐT Sở Tư pháp và Trang TTĐT PBGDPL tỉnh
9	Số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài	tin bài	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
10	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
11	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch</i>		
12	Số người vi phạm các quy định về công khai, minh bạch bị xử lý (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người	0

	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về công khai, minh bạch đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
13	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
14	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
15	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ (<i>tự kiểm tra tại đơn vị, đơn vị trực thuộc hoặc thanh kiểm tra theo thẩm quyền</i>)	Cuộc	1
16	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
	<i>Tên vụ/cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
17	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
18	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính (<i>Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính, kết quả xử lý</i>		
19	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự, kết quả xử lý</i>		

20	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
21	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
23	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
24	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
25	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
26	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về xung đột lợi ích (<i>Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i>)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm xung đột lợi ích đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
27	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị đã công tác bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ, kết quả xử lý</i>		
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
28	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0

29	Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
30	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	125
31	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	111
32	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
33	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
34	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
35	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
36	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
37	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	3
38	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
39	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
40	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
40.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	<i>Người</i>	

40.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	<i>Người</i>	
40.3	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị công tác bị xử lý do có vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết quả xử lý</i>		
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
41	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
42	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
43	Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Cuộc	0
44	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Vụ</i>	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Người	0

	- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra	Người	
	<u>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</u>		
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<u>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</u>		
56	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
57	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
58	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
59	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
60	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người	0

	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kết quả xử lý</i>		
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
61	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
62	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài các hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
63	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
64	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
65	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
66	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
67	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
69	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
70	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		
71	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0

72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
73.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
73.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
74	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Vụ	0
75	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>), trong đó:	Người	0
75.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
75.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	
75.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
75.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
76	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
77	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
78	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Vụ	0
79	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (<i>chưa có kết quả xử lý</i>)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
80	Bằng tiền (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
81	Đất đai	m ²	0

	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
82	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
82.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
82.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
83	Đất đai	m ²	0
83.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	
83.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
84	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
85	Đất đai	m ²	0
	PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
86	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
87	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
88	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
89	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
90	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0

91	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
92	Thiệt hại gây ra bởi các vụ án tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0
93	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (<i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i>)	Triệu đồng	0

*** Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu;
- Chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu PCTN của đơn vị, địa phương; không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn;
- (1), (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước báo cáo.